

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1178/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch
xây dựng vùng tỉnh Kon Tum đến năm 2035**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kon Tum đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kon Tum bao gồm toàn tỉnh Kon Tum trên phạm vi 10 đơn vị hành chính: 01 thành phố (Kon Tum); 09 huyện (Đắk Hà, Đắk Tô, Đắk Glei, Sa Thầy, Ia H'Drai, Ngọc Hồi, Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông) với tổng số 102 xã, phường, thị trấn. Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc: Giáp tỉnh Quảng Nam;

+ Phía Nam: Giáp tỉnh Gia Lai;

+ Phía Đông: Giáp tỉnh Quảng Ngãi;

+ Phía Tây: Giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

Tổng diện tích tự nhiên vùng tỉnh Kon Tum: 9.674,18 km²;

- Tổng dân số năm 2015: 495.876 người.

- Mật độ dân số trung bình: 51 người/km²

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các quy hoạch chiến lược, Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020).

- Xây dựng và phát triển vùng tỉnh Kon Tum đến năm 2035 trở thành vùng kinh tế động lực trong vùng Tây Nguyên với không gian đô thị, nông thôn, khu chức năng đặc thù, khu sản xuất nông nghiệp hài hòa với không gian cảnh quan đặc trưng của vùng tỉnh Kon Tum.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao, chất lượng hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, xây dựng Kon Tum ổn định và phát triển bền vững.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nông thôn và các khu chức năng đặc thù; làm cơ sở phục vụ công tác quản lý và đề xuất cơ chế chính sách quản lý phát triển vùng và lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh.

3. Tính chất:

- Là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại - du lịch của các nước thuộc khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, của các tỉnh Tây Nguyên với khu vực duyên hải miền Trung;

- Là vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp chủ lực phục vụ xuất khẩu; vùng phát triển các cây dược liệu quý, phát triển nông - lâm nghiệp, thủy điện;

- Là vùng có vai trò phòng hộ đầu nguồn, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng, bảo vệ đa dạng sinh học của quốc gia và khu vực;

- Là vùng bảo tồn bản sắc văn hóa đặc trưng lâu đời của vùng Tây Nguyên; phát triển du lịch văn hóa nhân văn, du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, nghỉ dưỡng cấp quốc gia và quốc tế;

- Là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng trong vùng Tây Nguyên và của quốc gia;

4. Thời hạn lập quy hoạch:

- Quy hoạch ngắn hạn: Đến năm 2025.

- Quy hoạch dài hạn: Đến năm 2035.

5. Một số chỉ tiêu cơ bản:

a) Dân số

- Đến năm 2025: Dân số toàn tỉnh khoảng 621.600 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50 - 55%.

- Đến năm 2035: Dân số toàn tỉnh khoảng 795.800 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 60 - 65%.

b) Đất đai

- Đến năm 2025, quy mô đất đai quy hoạch xây dựng đô thị khoảng 10.880 - 11.976 ha (bình quân 350 m²/người).

- Đến năm 2035, quy mô đất đai quy hoạch xây dựng đô thị khoảng 15.280 - 15.553 ha (bình quân 320 m²/người).

(Dự báo này sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch)

6. Yêu cầu nghiên cứu

a) Mối quan hệ vùng

- Xác định vai trò và vị thế của tỉnh Kon Tum trong tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, trên tuyến hành lang kinh tế quốc tế Đông Tây, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng Tây Nguyên.

- Xác định tác động của các yếu tố hạt nhân của vùng tỉnh Kon Tum như: Khu cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các khu công nghiệp tập trung,..., các yếu tố di sản văn hóa; các đầu mối giao thông quốc gia.

b) Đánh giá thực trạng và nguồn lực phát triển vùng:

Hiện trạng phát triển vùng căn cứ vào các nội dung điều tra khảo sát và đánh giá về bối cảnh phát triển vùng theo 3 cấp độ là: Cấp vùng quốc gia (đánh giá dựa trên dự báo tổng hợp của vùng Tây Nguyên), cấp vùng tỉnh và theo các địa bàn hành chính trong tỉnh, bao gồm:

- Đánh giá kết quả, các ưu nhược điểm, các tồn tại và hạn chế của đồ án quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Kon Tum đến năm 2020.

- Đánh giá hiện trạng tổng hợp địa bàn toàn tỉnh Kon Tum. Đánh giá, dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, các động lực, tiềm năng phát triển của nội và ngoại vùng để tìm ra các giải pháp về nguồn lực phát triển vùng tỉnh.

c) Dự báo quy mô dân số và đất đai, phân vùng phát triển không gian vùng, các cơ sở kinh tế - xã hội, xác lập tiền đề phát triển hệ thống đô thị tỉnh, các khu dân cư nông thôn, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội vùng tỉnh.

d) Xây dựng tầm nhìn phát triển vùng tỉnh:

Đề xuất tầm nhìn xây dựng vùng hướng tới xây dựng tỉnh Kon Tum phát triển bền vững là một trong những trung tâm kinh tế phát triển thịnh vượng của khu vực Tây Nguyên, có môi trường đầu tư thuận lợi và có môi trường sống chất lượng cao.

Xác lập các mục tiêu chiến lược phát triển và xác lập các yêu cầu phải đạt được của vùng tỉnh Kon Tum về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, phân bố dân cư đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng, bảo tồn di sản, quản lý quy hoạch kiến trúc, thu hút đầu tư...

đ) Định hướng phát triển không gian vùng tỉnh:

- Xác lập các phân vùng phát triển không gian, theo hướng kết nối tổng thể phát triển chung của vùng Tây Nguyên với việc sử dụng hiệu quả các tiềm năng của địa bàn, đảm bảo khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên và hệ thống khung hạ tầng kỹ thuật chính; đảm bảo liên kết đô thị - nông thôn gắn với việc bảo vệ tài nguyên rừng và yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đề xuất khung phát triển vùng, phân bố các vùng kinh tế động lực; các phân vùng không gian xây dựng tập trung.

- Xác định vùng đô thị hóa mạnh, các trục, hành lang đô thị hoá, các cực phát triển và quần cư đô thị hoá, xu hướng di dân.

- Hình thành các khu trọng điểm về du lịch, công nghiệp, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên, tài nguyên của vùng; các phân vùng không gian nông lâm nghiệp, đô thị và nông thôn gắn công nghiệp vừa và nhỏ.

- Đề xuất tổ chức không gian đô thị, cơ sở hình thành, phân cấp loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị.

- Xây dựng thành phố Kon Tum trở thành một trong những đô thị trung tâm của vùng về các lĩnh vực: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, động lực chính phát triển toàn tỉnh; là đầu mối giao thông vùng, có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh quan trọng của tỉnh, vùng Bắc Tây Nguyên và miền Trung (Quảng Nam, Quảng Ngãi); trở thành đô thị loại II vào thời điểm thích hợp và là vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Nam của tỉnh Kon Tum.

- Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi thành khu kinh tế động lực, trung tâm trong tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng gắn kết với hành lang kinh tế Đông - Tây của khu vực và có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng của tỉnh.

- Xây dựng khu du lịch sinh thái Măng Đen, huyện Kon Plông thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, nơi bảo tồn sinh thái, rừng quốc gia; là vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ phát triển sinh thái và là vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Đông của tỉnh Kon Tum.

- Đề xuất phân bố các khu, cụm sản xuất, các khu kinh tế tập trung; tổ chức không gian, hình thái, cấu trúc các điểm dân cư nông thôn theo hướng mô hình làng xanh, cải tạo chỉnh trang, giữ gìn bản sắc văn hóa gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

- + Khớp nối định hướng phát triển giao thông vùng, quốc gia với hệ thống giao thông tỉnh Kon Tum; so sánh, đánh giá các phương án hướng tuyến qua địa bàn để lựa chọn phương án tối ưu.

- + Xác định khung giao thông, các công trình đầu mối giao thông toàn vùng tỉnh, nối kết giữa các đô thị và các khu vực đầu tư trọng điểm trong tỉnh, nối kết vùng với đầu mối giao thông quốc gia.

- + Xác định mạng lưới giao thông liên vùng, đảm bảo kết nối với các trục giao thông vùng Tây Nguyên, giao thông nội tỉnh; phân tích mô hình phát triển và xác định các hành lang giao thông quan trọng để tăng hiệu quả khai thác các quỹ đất mới tại các vùng huyện, kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp với các trung tâm đô thị của tỉnh.

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Xác định quỹ đất thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp...

+ Xác định các giải pháp khai thác quỹ đất thuận lợi xây dựng và cảnh báo khai thác quỹ đất các vùng địa chất tự nhiên. Giải pháp tạo quỹ đất xây dựng các vùng đô thị hóa, khu công nghiệp tập trung; khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, các giải pháp chống ngập lụt, tai biến địa chất... kết hợp với hệ thống thủy lợi, tiêu thoát lũ của vùng;

+ Xác định các yêu cầu về cao độ xây dựng và giải pháp san nền cho các đô thị, các khu vực xây dựng tập trung, lồng ghép đề xuất các giải pháp về phòng chống và xử lý các tai biến địa chất, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Xác định các giải pháp thoát nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

- Cấp nước: Xác định trữ lượng nguồn nước trong vùng; xác định các chỉ tiêu và tiêu chuẩn áp dụng, dự báo tổng hợp các nhu cầu dùng nước; các phương án kinh tế kỹ thuật chọn nguồn nước và phân vùng cấp nước; xác định quy mô các công trình đầu mối, hệ thống truyền tải nước chính cấp vùng; đề xuất các giải pháp cấp nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng, các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

- Cấp điện: Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn cấp điện; dự báo nhu cầu sử dụng điện; xác định nguồn điện; các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phối điện; đề xuất các giải pháp chính về quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị.

- Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cho hệ thống viễn thông; xác định các công trình đầu mối viễn thông cấp vùng; đề xuất các giải pháp cung cấp hệ thống viễn thông cho vùng, các giải pháp quy hoạch hệ thống viễn thông cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

+ Thoát nước thải: Xác định các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang theo loại đô thị, dự báo tổng khối lượng nước thải. Đề xuất lựa chọn hệ thống thoát nước thải cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng lớn, tổ chức thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn đồng thời xác định quy mô các nhà máy xử lý nước thải.

+ Quản lý chất thải rắn: Dự báo tổng quy mô khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, y tế; đề xuất các địa điểm, quy mô công trình đầu mối xử lý chất thải rắn quy mô công nghiệp.

+ Nghĩa trang: Xác định quy mô, địa điểm nghĩa trang đến cấp tiểu vùng, đề xuất các hình thức an táng.

- Đánh giá môi trường chiến lược vùng:

Dự báo, đánh giá các tác động đối với môi trường của các phương án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, làm cơ sở lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu, đảm bảo phát triển bền vững. Xác định các vấn đề môi trường vùng cần giải quyết. Kiến nghị các giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Các chương trình và dự án chiến lược: Xác định danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật, các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng; phân kỳ đầu tư hợp lý để làm cơ sở phát triển vùng. Đề xuất các giải pháp về nguồn lực thực hiện các dự án.

- Các yêu cầu về quản lý xây dựng vùng: Đề xuất các yêu cầu quản lý quy hoạch và xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn nhằm bảo tồn hệ thống di sản, rừng tự nhiên bảo vệ vùng nông lâm nghiệp, sử dụng tiết kiệm và khai thác có hiệu quả quỹ đất, tạo lập không gian đô thị hóa mới cho tỉnh Kon Tum.

8. Hồ sơ đồ án quy hoạch:

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng;

- Cơ quan tổ chức lập và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Thời gian lập Đồ án quy hoạch xây dựng vùng không quá 12 tháng kể từ khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập và trình duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kon Tum theo quy định; bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kon Tum;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, NC, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2b).PC. 24

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng